

Số: /QĐ-UBND

Phúc Hà, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 năm 2024 trên địa bàn xã Phúc Hà

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC HÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung gian giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Công văn số 6661/UBND-LĐTBXH ngày 26/11/2024 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 năm 2024 đợt 1;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 xã Phúc Hà.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 năm 2024 trên địa bàn xã Phúc Hà.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

Điều 3. Ban Chỉ đạo rà soát xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo, thống kê và các công chức liên quan, trưởng xóm của 07 xóm và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng LĐTBXH thành phố;
- Thường trực ĐU-HĐND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, VHXH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Nhất

DANH SÁCH
Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo
theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 năm 2023
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2024 của UBND xã Phúc Hà)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (ghi theo thứ tự thôn/tổ)
A.	Hộ nghèo/ thoát nghèo			
I	Hộ nghèo			
1	Nguyễn Thị Dân	Nữ	01/02/1950	Xóm Mỏ
2	Đình Hữu Minh	Nam	01/01/1966	Xóm 1
3	Trần Thị Mai	Nữ	16/08/1954	Xóm Um
4	Phạm Ái Mộ	Nam	19/10/1977	Xóm Um
5	Đặng Văn Sáu	Nam	20/08/1964	Xóm Hà
6	Lương Xuân Sách	Nam	08/07/1984	Xóm Hồng
7	Lương Thị Độ	Nữ	28/10/1990	Xóm Hồng
8	Vũ Quốc Việt	Nam	02/05/1965	Xóm Hồng
9	Dương Văn Quân	Nam	21/07/1970	Xóm Hồng
10	Hoàng Thị Lý	Nữ	01/12/1933	Xóm Nam Tiên
11	Lê Thị Lý	Nữ	24/09/1957	Xóm Nam Tiên
II	Hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo			
	0			
III	Hộ nghèo phát sinh mới			
	0			
IV	Hộ tái nghèo			
	0			
V	Hộ thoát nghèo (vượt chuẩn cận nghèo)			
1	An Thị Vân Hà	Nữ	04/09/1977	Xóm Mỏ

B.	Hộ cận nghèo/ thoát cận nghèo			
I	Hộ cận nghèo			
1	Đặng Thị Nhâm	Nữ	03/03/1992	Xóm Hà
2	Đào Thị Hiệu	Nữ	03/05/1967	Xóm Hồng
3	Lê Văn Nghĩa	Nam	12/08/1984	Xóm Hồng
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	09/11/1984	Xóm Hồng
5	Phạm Huy Nam	Nam	01/01/1947	Xóm Hồng
6	Đàm Thị Vân	Nữ	19/08/1956	Xóm Mỏ
7	Nguyễn Minh Giang	Nam	10/05/1967	Xóm Mỏ
8	Vũ Văn Yên	Nam	01/01/1937	Xóm Mỏ
9	Phùng Xuân Khiêm	Nam	13/01/1968	Xóm Nam Tiền
10	Hoàng Thị Sinh	Nữ	16/04/1950	Xóm Nam Tiền
11	Nguyễn Văn Tâm	Nam	19/02/1948	Xóm Nam Tiền
12	Trần Thị Hoàn	Nữ	04/03/1993	Xóm Um
13	Phạm Thị Bắc	Nữ	14/08/1980	Xóm Um
II	Hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo			
	0			
III	Hộ tái cận nghèo			
	0			
IV	Hộ thoát cận nghèo (thoát hẳn)			
1	Nguyễn Thị Châm	Nữ	29/07/1967	Xóm Mỏ
2	Hoàng Xuân Thắng	Nam	30/10/1982	Xóm Nam Tiền
3	Trần Thị Loan	Nữ	01/01/1937	Xóm Nam Tiền
4	Nguyễn Thị Nhu	Nữ	08/08/1953	Xóm Nam Tiền
5	Nguyễn Tuấn Phương	Nam	02/10/1969	Xóm Nam Tiền
III.	Tổng cộng (A +B)			